

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8-ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST
Ngày 23/3/2026.
V/v “Tranh chấp hôn nhân gia
đình”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Dũng và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quang Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà H N Mlô, sinh ngày 19/06/1994 - Có mặt.

Số CCCD: 06619400xxxx.

Địa chỉ: Buôn K, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Y T Niê, sinh ngày 18/12/1992 - Có mặt.

Số CCCD: 06609200xxxx.

Địa chỉ: Buôn E, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị H Non Mlô trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H N Mlô và anh Y T Niê đã tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau từ năm 2013. Đến ngày 02/7/2019 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Đắk Lắk). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Y T Niê thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc bỏ bê gia đình, tình trạng này kéo dài dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được,

đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị H N Mlô yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Y T Niê.

Về con chung: Chị H N Mlô và anh Y T Mlô có 02 (hai) con chung là cháu H Z I Mlô, sinh ngày 14/04/2014 và H M H Mlô, sinh ngày 23/08/2019. Sau ly hôn, chị H N yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho chị H N Mlô là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu H Z I Mlô và H M H Mlô cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H N Mlô yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Y T Niê phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng đối với 02 con chung (1.000.000 đồng/tháng/con) cho đến khi 02 con chung là cháu H Z I Mlô và H M H Mlô trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H N Mlô không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Y T Niê trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Y T Niê và chị H N Mlô đã tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau từ năm 2013, đến ngày 02/7/2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Đắk Lắk). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn. Đến ngày 20/9/2024, vợ chồng có mâu thuẫn, chị H N đuổi anh Y T về nhà mẹ đẻ ở tại buôn E, xã K với lý do là vì anh Y T đi làm về và có đi nhậu nên chị H N đuổi anh Y T đi. Từ đó đến nay, chị H N chưa hề gọi anh Y T về nhà chung sống lại, nếu chị H N cho về chung sống thì anh Y T vẫn về vì anh Y T vẫn còn tình cảm yêu thương chị H N. Do vậy, anh Y T không đồng ý ly hôn chị H N Mlô, anh Y T yêu cầu Tòa án hoà giải để đoàn tụ vợ chồng với chị H N Mlô.

Về con chung: Anh Y T Niê và chị H N Mlô có 02 con chung là cháu H Z I Mlô, sinh ngày 14/04/2014 và H M H Mlô, sinh ngày 23/08/2019. Hiện nay, các con đang ở với chị H N Mlô. Do không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh Y T không đồng ý với yêu cầu về nuôi con chung của chị H N Mlô.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Y T Niê không đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị H N Mlô yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Y T Niê không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Tại phiên tòa HĐXX thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị H N Mlô. Chị H N Mlô được ly hôn anh Y T Niê.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu H Z I Mlô, sinh ngày 14/04/2014 và H M H Mlô, sinh ngày 23/08/2019 cho chị H N Mlô trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Y T Niê phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H N Mlô và anh Y T Niê là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã K, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 02/7/2019. Theo chị H N và anh Y T trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng ngày càng trái ngược nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị H N và anh Y T đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị H N Mlô vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Y T Niê, bị đơn anh Y T Niê vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị H N, anh Y T nhưng không đoàn tụ thành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H N và anh Y T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị H N được ly hôn anh Y T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị H N và anh Y T có 02 con chung là cháu H Z I Mlô, sinh ngày 14/04/2014 và H M H Mlô, sinh ngày 23/08/2019. Các con chung đang ở với chị H N Mlô và nguyện vọng của các con là muốn được ở cùng với mẹ là chị H N Mlô nên giao 02 con chung cho chị H N Mlô trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H N Mlô yêu cầu ông Y T Niê phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng đối với 02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi là có căn cứ cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị H N và anh Y T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H N Mlô phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Y T Niê phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị H N Mlô. Chị H N được ly hôn anh Y T Niê.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu H Z I Mlô, sinh ngày 14/04/2014 và H M H Mlô, sinh ngày 23/08/2019 cho chị H N Mlô trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Y T Niê phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2026.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H N Mlô và ông Y T Niê không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H N Mlô phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004410 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Anh Y T Niê phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 8-Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 8-Đắk Lắk;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Anh Thái